

Số: 15/BC-TA

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2019

## BÁO CÁO

### TỔNG HỢP NHỮNG HẠN CHẾ, THIẾU SÓT TRONG CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ NĂM 2018 CỦA CÁC TÒA ÁN THÔNG QUA CÔNG TÁC KIỂM TRA

|                              |                           |
|------------------------------|---------------------------|
| TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK |                           |
| ĐẾN                          | Số: ..... 696 ...../TA    |
|                              | Ngày: ..... 25/3/19 ..... |

Thực hiện Kế hoạch số 390/KH-TANDTC và Kế hoạch số 391/KH-TANDTC ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về kiểm tra công tác chuyên môn năm 2018 của các Tòa án; trong thời gian qua Tòa án nhân dân tối cao đã thành lập các Đoàn kiểm tra do các đồng chí Lãnh đạo và Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao làm Trưởng đoàn tiến hành kiểm tra tại 03 Tòa án nhân dân cấp cao, 16 Tòa án nhân dân cấp tỉnh<sup>1</sup> và 48 Tòa án cấp huyện. Kết quả kiểm tra cho thấy, bên cạnh những kết quả đã đạt được (đã được tổng hợp chung vào Báo cáo tổng kết công tác năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2019 của các Tòa án), trong công tác của các đơn vị Tòa án được kiểm tra vẫn còn tồn tại một số hạn chế, thiếu sót cần nghiêm túc rút kinh nghiệm để có giải pháp khắc phục trong thời gian tới, cụ thể như sau:

#### A. VỀ THỰC HIỆN CÁC CHỦ TRƯỞNG CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

##### I. Về việc công bố bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử

- Tại nhiều đơn vị Tòa án vẫn tồn tại tình trạng tỷ lệ công bố bản án, quyết định còn thấp; công bố bản án, quyết định chậm so với thời gian quy định, thậm chí chưa công bố hoặc không công bố mà không rõ lý do<sup>2</sup>.

- Một số đơn vị công bố bản án có sai sót phải đính chính hoặc gỡ xuống do sai chính tả, mã hóa chưa đúng, không đầy đủ hoặc đăng nhầm vụ việc<sup>3</sup>.

##### II. Về tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm

- Vẫn còn nhiều đơn vị chưa thực hiện nghiêm túc chỉ tiêu mỗi Thẩm phán có ít nhất 01 phiên tòa rút kinh nghiệm/01 năm công tác theo yêu cầu của Tòa án nhân dân tối cao<sup>4</sup>.

<sup>1</sup> TAND các tỉnh: Kiên Giang, Vĩnh Long, Cà Mau, Bến Tre, Đồng Tháp, Tây Ninh, Bình Thuận, Bình Phước, An Giang, Lâm Đồng, Bà Rịa- Vũng Tàu, Sơn La, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Ninh Bình, Hà Tĩnh và một số TAND cấp huyện thuộc các tỉnh nêu trên.

<sup>2</sup> TAND tỉnh Lâm Đồng: đạt tỷ lệ 50%; TAND huyện Tuy Phong (Bình Thuận): đạt tỷ lệ 56,25%, tỷ lệ công bố chậm là 65,74%; TAND thành phố Hà Tĩnh, tỷ lệ công bố chậm là 7,5%. TAND huyện Cẩm Xuyên tỷ lệ công bố chậm là 18 %; TANDCC tại Đà Nẵng đạt tỷ lệ 64,12%; TAND tỉnh Bình Thuận: tỷ lệ bản án công bố là 15,27%, Số BA, QĐ chưa công bố không có lý do: 74.06%; công bố chậm là: 64,38%; TAND huyện Xuyên Mộc đạt tỷ lệ 30,6%.

<sup>3</sup> Báo cáo của Đoàn Kiểm tra tại TAND hai cấp tỉnh Tây Ninh.

- Một số phiên tòa có nội dung góp ý còn sơ sài, chung chung. Một số phiên tòa không có phiên họp rút kinh nghiệm sau phiên tòa hoặc sau một thời gian dài mới tổ chức phiên họp rút kinh nghiệm nên không đảm bảo mục đích yêu cầu đề ra. Một số phiên tòa chưa rút kinh nghiệm về việc áp dụng pháp luật trong việc xét xử vụ án; về tính thuyết phục của bản án đã tuyên và về chất lượng tranh tụng theo Hướng dẫn của TANDTC<sup>5</sup>.

- Một số phiên tòa rút kinh nghiệm nhưng vụ án đưa ra xét xử không phải là các vụ án điển hình có sự tham gia của luật sư để nhận xét kỹ năng điều hành phiên tòa của chủ tọa và kỹ năng tranh tụng của luật sư với Kiểm sát viên tại phiên tòa.

- Một số trường họp, biên bản họp rút kinh nghiệm không nêu thành phần của Hội đồng xét xử; có biên bản không nêu rõ tên người góp ý; có biên bản có rất nhiều người tham dự nhưng chỉ có khoảng hai đến ba ý kiến phát biểu và không nêu ý kiến giải trình, tiếp thu của Hội đồng xét xử<sup>6</sup>.

*Bên cạnh đó*, nhiều Tòa án chưa tổ chức xét xử được vụ án nào theo mô hình phiên tòa thân thiện đối với người phạm tội chưa đủ 18 tuổi hoặc người phạm tội đủ 18 tuổi nhưng người bị hại chưa đủ 18 tuổi<sup>7</sup>.

## **B. MỘT SỐ HẠN CHẾ, THIẾU SÓT TRONG CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN**

Qua công tác kiểm tra thấy rằng vẫn còn một số đơn vị chưa thực hiện triệt để các kiến nghị của các Đoàn kiểm tra các năm trước đây; một số đơn vị chưa có văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện các yêu cầu của Đoàn kiểm tra đã nêu trong các kết luận hoặc mới chỉ có văn bản họp kiểm điểm theo các kết luận kiểm tra<sup>8</sup>. Do vậy, các sai sót mà các Đoàn kiểm tra đã chỉ ra vẫn chưa được khắc phục triệt để (*như các sai sót về việc cho bị cáo hưởng án treo, áp dụng tình tiết giảm nhẹ không đúng, tình trạng tạm đình chỉ, đình chỉ án sai, án quá hạn chưa giải quyết, án tuyên không rõ ràng, khó thi hành án...*); một số đơn vị kết quả công tác chưa có chuyển biến rõ nét, nhất là công tác giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm tại các Tòa án nhân dân cấp cao còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu chỉ tiêu Quốc hội đề ra. Cụ thể như sau:

### **I. Một số hạn chế, thiếu sót chung trong việc thụ lý, đưa vụ án ra xét xử; hình thức bản án; sắp xếp, lưu trữ hồ sơ vụ án, phát hành bản án:**

- Một đơn vị Tòa án, số sổ thụ lý và ghi kết quả không cập nhật đầy đủ thông tin, thiếu thông tin thụ lý, kết quả giải quyết gây khó khăn cho công tác quản lý, theo

<sup>4</sup> TAND tỉnh Lâm Đồng: 3 phiên tòa/09 Thẩm phán; TAND huyện Đức Trọng: 3 phiên tòa/13 Thẩm phán; TAND huyện Xuyên Mộc: 02 phiên tòa /08 Thẩm phán; TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: 3 phiên tòa/19 Thẩm phán; TANDCC tại Đà Nẵng: 9/24 Thẩm phán tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm,.....

<sup>5</sup> Báo cáo của Đoàn kiểm tra tại TAND hai cấp tỉnh Tây Ninh.

<sup>6</sup> Báo cáo của Đoàn kiểm tra tại TAND hai cấp tỉnh Tây Ninh.

<sup>7</sup> Báo cáo kiểm tra tại Hà Tĩnh, Sơn La, Vĩnh Long,.....

<sup>8</sup> TAND tỉnh Cà Mau, TAND thành phố Cà Mau; TAND tỉnh Tây Ninh.

dõi và kiểm tra. Đáng chú ý là tại nhiều đơn vị, thông tin về án tạm đình chỉ không đưa đầy đủ vào sổ theo dõi, khó khăn cho việc theo dõi quá trình giải quyết vụ án<sup>9</sup>.

- Tại một số đơn vị việc xử lý đơn khởi kiện còn chậm, vi phạm về thời hạn xử lý đơn<sup>10</sup>.

- Việc đưa ra xét xử một số vụ án vẫn còn chậm, quá thời hạn xét xử, cá biệt có vụ án đã thụ lý hơn 01 năm nhưng đến thời điểm kiểm tra vẫn chưa xét xử<sup>11</sup>.

\* Về việc này, tại Văn bản số 4467/BTP-TCTHADS ngày 21/11/2018 của Bộ Tư pháp về việc phối hợp trong công tác thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp cũng cho rằng: Một số trường hợp Tòa án chậm thụ lý việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền xác định tài sản, phân chia tài sản chung theo Điều 74 và giải quyết tranh chấp yêu cầu hủy giấy tờ, giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án theo Điều 75 Luật thi hành án dân sự, gây khó khăn cho công tác thi hành án. Sau khi cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên đã phát sinh một số tranh chấp, đương sự hoặc chấp hành viên có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, hủy kết quả bán đấu giá tài sản, TAND đã thụ lý nhưng chậm đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự dẫn đến khó khăn trong việc thi hành án và giải quyết vụ việc.

- Một số bản án (cả sơ thẩm và phúc thẩm, đối với tất cả các loại án) viết không đúng mẫu theo quy định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về cách viết bản án; lập luận của bản án không chặt chẽ và đầy đủ như diễn biến tại phiên tòa. Bên cạnh đó, nhiều bản án phát hành còn chậm.

- Một số hồ sơ, tài liệu, chứng cứ không được đóng dấu và đánh số bút lục. Đặc biệt, có trường hợp mặc dù bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng toàn bộ hồ sơ không đóng dấu đánh số bút lục. Nghiêm trọng hơn, có vụ án, nhiều tài liệu tố tụng quan trọng như thông báo thụ lý vụ án, Quyết định phân công người tiến hành tố tụng; Biên bản kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, hòa giải; Biên bản phiên tòa; Biên bản nghị án; Bản án gốc và bản án không có chữ ký của Thẩm phán, nhưng đã được đóng dấu sẵn<sup>12</sup>. Bên cạnh đó, có một số hồ sơ đã xét xử nhưng không có biên bản phiên tòa<sup>13</sup>.

- Việc vào sổ theo dõi kết quả giải quyết vụ án còn thiếu khoa học, có vụ án xét xử trước lấy sổ sau, vụ án xét xử sau lấy sổ trước....

<sup>9</sup> Báo cáo của Đoàn Kiểm tra tại Vĩnh Long

<sup>10</sup> Báo cáo của Đoàn kiểm tra tại An Giang

<sup>11</sup> TAND tỉnh Bình Phước: 01 vụ quá hạn, 09 vụ đã thụ lý trước ngày 01/12/2017 đã đưa ra xét xử nhưng chưa có kết quả giải quyết do hoãn hoặc tạm ngừng phiên tòa. TAND thị xã Đồng Xoài: 05 vụ án dân sự quá hạn luật định. TAND thị xã Phước Long: 22 vụ quá hạn luật định.

- TAND tỉnh An Giang: 16 vụ quá hạn trên 01 năm. TAND thành phố Long Xuyên: dân sự 12 vụ việc; kinh doanh thương mại 02 vụ việc; hôn nhân gia đình 06 vụ. TAND huyện Thoại Sơn: 01 vụ.

- TANDCC tại Hà Nội: 04 vụ dân sự.

- TANDCC tại Đà Nẵng: 02 vụ.

<sup>12</sup> Báo cáo của Đoàn kiểm tra tại TAND hai cấp tỉnh Đồng Tháp

<sup>13</sup> Báo cáo của Đoàn Kiểm tra tại Vĩnh Long

## II. Thiếu sót trong công tác giải quyết, xét xử các loại vụ án

### 1. Trong công tác giải quyết, xét xử các vụ án hình sự

#### a) Trong công tác giải quyết, xét xử theo thủ tục sơ thẩm

##### (1). Sai sót về tội danh

- Một số trường hợp định tội danh sai. Ví dụ:

+ Bị cáo dùng thủ đoạn đòi kiểm tra điện thoại của người bị hại để người bị hại đưa điện thoại, sau khi có được điện thoại bị cáo dùng tay đánh bị hại để chiếm đoạt điện thoại di động. Tòa án xét xử bị cáo về 2 tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và cướp tài sản là không đúng. Trong trường hợp này bị cáo chỉ phạm tội cướp tài sản.

+ Bị cáo mua heroin cất giấu trên người để bán cho người nghiện, chưa kịp bán thì bị bắt quả tang. Tòa án xử tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là sai.

+ Nhiều trường hợp bị cáo dùng hung khí nguy hiểm tấn công liên tiếp vào vùng trọng yếu cơ thể nạn nhân; hành vi cấu thành tội Giết người nhưng Tòa án xử phạt bị cáo về tội Cố ý gây thương tích là không đúng. Vấn đề này, năm 2016, Đoàn kiểm tra đã rút kinh nghiệm với Tòa án 02 cấp tỉnh Cà Mau về những trường hợp tương tự. Tuy nhiên, năm 2018, Tòa án 02 cấp tỉnh Cà Mau vẫn còn để tình trạng này xảy ra là thực hiện chưa nghiêm kết luận của Đoàn Kiểm tra lần trước.

- Một số vụ án có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm hoặc hành vi phạm tội trong cùng một vụ án<sup>14</sup>.

##### (2). Cho bị cáo hưởng án treo không đúng Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 01/11/2013, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Một số vụ án bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, trong đó, hậu quả làm chết người, lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo, nhưng vẫn được Tòa án cho hưởng án treo hoặc phạt tiền là không đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống loại tội phạm này tại địa phương.

- Có trường hợp bị cáo phạm tội nhiều lần, thu lợi bất chính số tiền lớn hoặc phạm tội có tính chất côn đồ, hoặc là đối tượng chủ mưu, cầm đầu, phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án, hoặc có nhân thân xấu; hoặc sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn, Cơ quan tiến hành tố tụng đã có quyết định truy nã nhưng vẫn cho bị cáo hưởng án treo.

<sup>14</sup> Theo Báo cáo của Đoàn kiểm tra tại tỉnh Hà Tĩnh, TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh,...

- Có trường hợp Tòa án lạm dụng áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt các bị cáo dưới khung hình phạt và giảm tới mức đủ điều kiện để cho các bị cáo được hưởng án treo.

- Một số bản án không thể hiện rõ tên Ủy ban nhân dân xã được giao giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách và không tuyên bị cáo bị áp dụng hình phạt tù theo khoản 5 Điều 65 BLHS, nếu vi phạm nghĩa vụ thi hành án.

**(3). Quyết định hình phạt nặng, nhẹ không phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; vị trí, vai trò phạm tội của các bị cáo**

- Có nhiều vụ án áp dụng hình phạt chưa tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, bị cáo có tình tiết tăng nặng như: Phạm tội nhiều lần hoặc tái phạm nhưng cho hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt. Có vụ án bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ nhưng Tòa án quá nhấn mạnh tình tiết giảm nhẹ để cho bị cáo được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Có trường hợp, trong cùng một vụ án, hình phạt đối với các bị cáo không công bằng.

- Có trường hợp vụ án bị cáo là người chủ mưu cầm đầu, lên kế hoạch, chọn địa điểm, rủ rê, lôi kéo và tổ chức phân công các đối tượng trong nhóm cùng thực hiện tội phạm, thể hiện rõ là phạm tội có tổ chức nhưng Hội đồng xét xử nhận định các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn, không có sự thông mưu từ trước, từ đó dẫn tới áp dụng không đúng pháp luật.

- Một số trường hợp bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có căn cứ để cho bị cáo được hưởng án treo nhưng lại xử phạt bị cáo tù giam.

- Một số trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, trong đó bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ hoặc chỉ có một tình tiết giảm nhẹ TNHS nhưng Tòa án xử mức khởi điểm của khung hình phạt hoặc quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là quá nhẹ, không có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm. Ví dụ: Bị cáo 02 lần giao cấu với người dưới 16 tuổi, bị kết án theo điểm a khoản 2 Điều 115 BLHS năm 1999 có khung hình phạt tù từ 03 năm đến 10 năm nhưng Tòa án xử phạt bị cáo 02 năm tù hoặc Bị cáo giao cấu với người dưới 13 tuổi bị kết án theo khoản 2 Điều 142 BLHS năm 2015, xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Hoặc hành vi “Giết người” của bị cáo rất quyết liệt, hung hãn, mặc dù bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 nhưng chỉ phạt bị cáo 07 năm tù (bằng mức khởi điểm của khung hình phạt tại khoản 2 Điều 93 BLHS 1999) là nhẹ, không tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

- Có một số bản án, Tòa án đều nhận định rằng hiện nay, tình hình an ninh trật tự liên quan đến loại tội phạm vi phạm về an toàn giao thông đường bộ xảy ra trên địa bàn ngày càng gia tăng, người tham gia giao thông chủ quan khi điều khiển phương tiện, bất chấp luật giao thông nên cần đưa vụ án ra xét xử nhanh và

ngghiêm khắck. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt thì đều quyết định hình phạt quá nhẹ.

- Số tiền mà bị cáo bồi thường hoặc khắc phục hậu quả rất nhỏ so với số tiền phải bồi thường, phải khắc phục hậu quả, nhưng Tòa án áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS 2015, là đánh giá việc bồi thường, khắc phục hậu quả của vụ án chưa đúng dẫn tới xử dưới khung hoặc áp dụng tình tiết giảm nhẹ không đúng.

- Một số vụ án về “Đánh bạc”, các bị cáo có nhân thân xấu, số tiền đánh bạc lớn nhưng Tòa án áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền là không nghiêm, không có tính răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung<sup>15</sup>.

#### ***(4). Rút kinh nghiệm về việc áp dụng pháp luật không thống nhất.***

Có trường hợp ở cùng một địa phương, có trường hợp hai vụ án tình tiết tương tự nhau nhưng việc áp dụng pháp luật khác nhau, có vụ cho hưởng án treo, có vụ xử án tù giam là không thống nhất.

#### ***(5) Nhận định tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS không đúng:***

- Hành vi phạm tội của bị cáo rất quyết liệt, cố tình thực hiện tội phạm đến cùng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm e khoản 1 Điều 48 BLHS là bỏ sót tình tiết tăng nặng.

- Một số bản án xét xử các bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Trộm cắp tài sản” nhưng không áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” trong khi các bị cáo đều lừa đảo, trộm cắp của nhiều người, số tiền chiếm đoạt của mỗi người đều đủ định lượng cấu thành tội phạm<sup>16</sup>.

- Áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS chưa đúng, bị cáo chưa thành khẩn khai báo nhưng vẫn áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999; bị cáo nộp tiền thu lợi bất chính, nộp tiền phạt hoặc bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương và được chính quyền địa phương xác nhận (hoặc đồng ý bảo lãnh) nhưng lại áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS 1999; bị cáo bị nhiễm HIV cũng coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 là không đúng.

#### ***(6) Áp dụng không đúng quy định tại Điều 7 BLHS năm 2015, hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội và Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 của TANDTC.***

- Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại thời điểm BLHS sửa đổi, bổ sung năm 2009 có hiệu lực. Tòa án nhận định BLHS năm 2015 có lợi hơn so với BLHS sửa đổi, bổ sung năm 2009, hoặc nhận định 2 điều luật tương ứng nhưng khi quyết định lại áp dụng quy định BLHS sửa đổi, bổ sung 2009 là không đúng Nghị quyết 41.

<sup>15</sup> Báo cáo của Đoàn Kiểm tra tại tỉnh Lâm Đồng, TANDCC tại Hà Nội

<sup>16</sup> Báo cáo của Đoàn kiểm tra tại tỉnh Sơn La,...

- Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thời điểm BLHS năm 1999 có hiệu lực pháp luật. Trong phần nhận định về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, TA có nhận định áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội theo Nghị quyết 41, nhưng không nêu rõ có lợi như thế nào, về tội danh, hình phạt hay điều luật áp dụng.

(7) Vẫn còn tình trạng khi quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung chưa nghiên cứu kỹ nội dung vụ án nên việc trả hồ sơ chưa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản hướng dẫn thi hành<sup>17</sup>.

***b) Trong công tác giải quyết, xét xử theo thủ tục phúc thẩm***

Ngoài các sai sót như các Tòa án cấp sơ thẩm nêu tại tiêu mục từ (1) đến (6) nêu trên, một số vụ án Tòa án cấp phúc thẩm còn có các sai sót sau:

***(1) Sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo không có căn cứ:***

- Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nhưng Tòa án cấp phúc thẩm nhận định bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và nêu lại các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng để giảm hình phạt, hoặc xử dưới khung, cho hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt tiền là không có căn cứ.

- Các bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ, cố ý thực hiện tội phạm đến cùng, dùng dao nhiều lần chém vào người và cắt cổ người bị hại. Hành vi của các bị cáo có dấu hiệu của tội “Giết người”. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo bị cáo mức án khởi điểm của khung hoặc dưới khung hình phạt về tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 104 Bộ luật hình sự đã là nhẹ. Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục giảm hình phạt cho bị cáo là không đúng quy định của pháp luật.

- Một số trường hợp cho hưởng án treo không đúng, bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, gây hậu quả nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ đã được cấp sơ thẩm áp dụng để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng cấp phúc thẩm tiếp tục áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này để cho bị cáo hưởng án treo; áp dụng tình tiết để cho bị cáo hưởng án treo không có căn cứ như “*Bị cáo tha thiết xin hưởng án treo*”, “*Đại diện người bị hại thiết tha xin cho bị cáo được hưởng án treo*”, “*bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương và được địa phương bảo lãnh xin cho hưởng án treo và cam kết theo dõi, quản lý giám sát giáo dục bị cáo*”, ....

- Trong một số vụ án “Đánh bạc”, bị cáo là người cầm đầu, khởi xướng và cũng là người thực hành tội phạm tích cực nhất; quá trình giải quyết vụ án không

<sup>17</sup> - Tại tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, TAND tỉnh trả 11 vụ để điều tra bổ sung, VKS giữ nguyên quyết định truy tố; 04 vụ; TAND thị xã Phú Mỹ trả để điều tra bổ sung là 06 vụ/17 bị cáo thì VKS giữ nguyên quyết định truy tố 02 vụ.

- TAND huyện Lấp Vò (tỉnh Đồng Tháp), trả hồ sơ 02 vụ thì VKS giữ nguyên quyết định truy tố 01 vụ

thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng thêm điểm b (khắc phục, bồi thường thiệt hại) khoản 1 Điều 46 BLHS đối với bị cáo là không chính xác và cho bị cáo được hưởng án treo là chưa nghiêm.

- Nhiều trường hợp Tòa án nhận định về việc bị cáo có xác nhận về việc lập công phòng, chống tội phạm nhưng không đánh giá thực chất có lập công hay không<sup>18</sup>.

- Một số trường hợp giảm hình phạt từ tử hình xuống tù chung thân hoặc tù chung thân xuống tù 20 năm thiếu căn cứ. Có trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo tử hình là đúng pháp luật, Bản án phúc thẩm nhận định đối với bị cáo: *"Bị cáo là người còn khả năng tự cải tạo; bởi lẽ, đây là lần đầu bị cáo phạm tội, bị cáo chưa bao giờ được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, chưa một lần được tạo điều kiện để sửa chữa, cải tạo trở thành người tốt"* để giảm hình phạt cho các bị cáo xuống tù chung thân là không có cơ sở<sup>19</sup>.

- Một số bản án Tòa án sửa bản án sơ thẩm, cho các bị cáo hưởng án treo căn cứ vào các điều kiện hoãn thi hành án, không có tình tiết nào mới là không thuyết phục.

- Một số vụ án bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, khung hình phạt cao nhưng Tòa án cấp phúc thẩm giảm để cho bị cáo hưởng án treo<sup>20</sup>.

(2) Có trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm xử nhẹ hoặc có sai lầm nghiêm trọng (trường hợp không có kháng cáo, kháng nghị hoặc chỉ có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt), nhưng Hội đồng xét xử phúc thẩm không kiến nghị người có thẩm quyền xem xét lại bản án theo thủ tục giám đốc thẩm.

(3) Ngoài ra, còn có một số sai sót khác như đường lối xét xử các vụ án giết người, cố ý gây thương tích khá nhẹ so với quy định của pháp luật; có vụ án cấp phúc thẩm có thể sửa án sơ thẩm nhưng lại hủy một phần án sơ thẩm để xét xử lại. Có vụ án Tòa án cấp phúc thẩm nhận định Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là đúng người, đúng tội; tuy nhiên, lại cho rằng việc Thư ký ghi biên bản phiên tòa sơ thẩm không ký xác nhận vào biên bản phiên tòa là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được để hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao về cấp sơ thẩm xét xử lại với HĐXX mới là không cần thiết.

(4) Xét xử phần dân sự trong vụ án hình sự không đúng: Các bị cáo cùng gây thương tích cho người bị hại nên phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại. Tòa án cấp phúc thẩm và Tòa án cấp sơ thẩm đều không căn cứ vào Điều 587 BLDS để tuyên trách nhiệm liên đới mà lại chia theo phần trách nhiệm bồi thường là không chính xác. Không nhận định mức độ lỗi của các bị cáo mà chia luôn cho cha mẹ các bị cáo phải bồi thường theo phần. Không áp dụng khoản 2 Điều 586 BLDS *"Người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi gây thiệt hại thì phải bồi thường bằng tài sản của mình, trường hợp không đủ tài sản"*

<sup>18</sup> Đoàn kiểm tra tại TANDCC tại Hà Nội

<sup>19</sup> TANDCC tại Hà Nội

<sup>20</sup> Báo cáo của Đoàn kiểm tra tại TANDCC tại Hà Nội



để bồi thường thì cha mẹ phải bồi thường phần còn thiếu". Cấp phúc thẩm lại buộc luôn cha mẹ bị cáo bồi thường là không đúng.

(5). Một số sai sót về tố tụng khác như:

- Có trường hợp người bị hại chỉ kháng cáo phần dân sự nhưng Tòa án cấp phúc thẩm vẫn giải quyết cả phần hình sự.

- Trong vụ án Chống người thi hành công vụ, Tòa án xác định các cán bộ công an tham gia Đội kiểm tra, kiểm soát giao thông là người bị hại là không đúng. Trong trường hợp này, phải xác định họ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- Về việc ra Lệnh tạm giam: Vẫn còn tình trạng ra lệnh tạm giam chậm so với quy định<sup>21</sup> dẫn tới các bị cáo bị giam giữ không có lệnh; nhiều trường hợp bị Viện Kiểm sát có công văn nhắc nhở.

**2. Trong công tác giải quyết, xét xử các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại và lao động**

**a) Trong công tác giải quyết, xét xử theo thủ tục sơ thẩm**

- **Xác định sai quan hệ tranh chấp, xác minh, thu thập, đánh giá chứng cứ:**

+ Có trường hợp, nguyên đơn khởi kiện chỉ yêu cầu là ly hôn, các bên không tranh chấp về quyền nuôi con, hai bên tự nguyện giao con cho người vợ nuôi. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng" là không đúng.

+ Một số trường hợp chung sống trước ngày 03/01/1987 không có giấy đăng ký kết hôn, Tòa án không công nhận vợ chồng là không đúng quy định.

+ Nguyên đơn đề nghị ly hôn và tranh chấp tài sản chung, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định đây là vụ án về việc "Ly hôn" là có thiếu sót. Phải xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp tài sản khi ly hôn".

+ Có một số trường hợp Thẩm phán có sai sót trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ dẫn đến phán quyết của Hội đồng xét xử có lúc chưa chính xác.

- Nhiều hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án có xác minh, thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân làm căn cứ giải quyết về quan hệ hôn nhân, nhưng trong các bản án, phần nhận định không thể hiện có việc xác minh, thu thập chứng cứ mà chỉ căn cứ lời khai của đương sự để quyết định về quan hệ hôn nhân là chưa thuyết phục. Lẽ ra, phần nhận định của bản án cần đưa nội dung về kết quả xác minh, thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân làm căn cứ quyết định cho ly hôn hay không cho ly hôn theo hướng dẫn nghiệp vụ trong Sổ tay Thẩm phán.

<sup>21</sup> TANDCC tại Hà Nội có 08 trường hợp ra lệnh tạm giam chậm so với quy định, có một số trường hợp vì lý do khách quan là do khi hết lệnh tạm giam vào ngày thứ 7, chủ nhật. Phần lớn Lệnh tạm giam bị chậm do lỗi chủ quan.

- Đối với các vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất: một số vụ án còn có thiếu sót khi tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng không định giá đất tranh chấp để xem xét thiệt hại của hợp đồng, không xác định rõ lỗi của các bên để buộc bên có lỗi chịu trách nhiệm đối với thiệt hại của hợp đồng tương ứng với phần lỗi của mình.

**- Sai sót khi ban hành Quyết định tạm đình chỉ:**

- Một số vụ án trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán chưa chủ động thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 BLTTDS 2015, đến khi gần hết thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán mới có công văn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cung cấp tài liệu chứng cứ, sau đó ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án.

- Nhiều vụ tạm đình chỉ từ năm 2008 đến thời điểm kiểm tra chưa có quyết định đưa vụ án ra tiếp tục giải quyết; việc tạm đình chỉ kéo dài; tạm đình chỉ nhiều lần đối với một vụ án và với cùng một lý do... Nhiều vụ án tạm đình chỉ trong thời hạn nhiều năm với các lý do khác nhau như: chờ kết quả cung cấp tài liệu chứng cứ, kết quả khảo sát đo đạc, giám định, kết quả điều tra, tìm người kế thừa quyền và nghĩa vụ của đương sự đã chết tham gia tố tụng.... nhưng sau đó thời gian dài Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án không có hoạt động tố tụng nào để đôn đốc, yêu cầu các chủ thể này thực hiện yêu cầu của Tòa án theo quy định tại khoản 4 Điều 215 BLTTDS dẫn đến vụ án bị kéo dài... Đây cũng là nội dung các Đoàn kiểm tra của TANDTC năm 2016, 2017 đã rút kinh nghiệm nhưng năm nay vẫn tiếp tục tái diễn, chưa được khắc phục một cách triệt để. Có vụ án tạm đình chỉ và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra là không đúng.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn có yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn, sau đó ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án với lý do để xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn là vi phạm tố tụng. Bởi vì, theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Trong trường hợp này, Tòa án chỉ xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Có vụ án, Tòa án ra Quyết định tạm đình chỉ để chờ kết quả đo đạc đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đai huyện. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ vụ án thì đã có kết quả đo đạc đất. Ngoài ra, quyết định tạm đình chỉ không được đóng dấu theo quy định.

- Một số vụ án quyết định tạm đình chỉ được ban hành vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Cá biệt, một số vụ án, Tòa án thụ lý từ năm 2015, 2016 nhưng đến tháng 8, tháng 9 năm 2018 mới ra quyết định tạm đình chỉ với lý do cần đợi kết quả đo vẽ của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai.

- Trong một số quyết định tạm đình chỉ không ghi áp dụng điểm, khoản cụ thể của điều luật.

- Nhiều trường hợp trong hồ sơ chưa thể hiện kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án phải có trách nhiệm theo dõi đơn đốc cơ quan thẩm định tiến thẩm định trong thời ngắn nhất để kịp thời đưa vụ án ra giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 215 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Một số vụ án tạm đình chỉ nhưng trong hồ sơ không lưu Quyết định tạm đình việc giải quyết vụ án, không lưu văn bản yêu cầu xác minh, cung cấp chứng cứ; không thể hiện việc Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án cho các đương sự; nhiều hồ sơ không thể hiện có việc gửi quyết định cho đương sự, Viện kiểm sát cùng cấp.

- Một số vụ án dân sự tranh chấp di sản thừa kế, Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ với lý do chờ kết quả ủy thác tư pháp. Đến nay, thời gian tạm đình chỉ đã kéo dài nhưng chưa nhận được kết quả trả lời (*có vụ 20 năm chưa giải quyết xong như vụ án tranh chấp thừa kế ở Bến Tre*). Tòa án cần đưa những vụ án trên ra giải quyết trên cơ sở chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ việc dân sự theo quy định tại khoản 5 Điều 105, Điều 477 BLTTDS và án lệ số 06 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về vụ án có người thuộc diện thừa kế ở nước ngoài, Tòa án tạm giao phần thừa kế của người vắng mặt cho những người sống trong nước quản lý để sau này giao lại cho những người thừa kế vắng mặt.

- Căn cứ tạm đình chỉ không đúng: Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án với lý do để đương sự có thời gian bổ sung địa chỉ của bị đơn là không đúng. Ngoài ra, một số quyết định tạm đình chỉ lấy căn cứ chờ đo vẽ của cơ quan tài nguyên môi trường hoặc định giá để tạm đình chỉ là không đúng. Bởi vì theo quy định tại Điều 101 và 104 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc thẩm định tại chỗ, đo vẽ thửa đất đang tranh chấp, định giá tài sản là nhiệm vụ của Tòa án cho nên đây không phải là căn cứ tạm đình chỉ quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 214 BLTTDS năm 2015.

- Có nhiều vụ án sắp hết thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định nhưng các Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án chưa ban hành được Quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án thì các Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tìm lý do ra Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án như: cung cấp tài liệu chứng cứ của cá nhân hoặc cơ quan có thẩm quyền.... (mặc dù Tòa án có thể tự thu thập hoặc phối hợp để thu thập được...), sau đó ra Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án để bắt đầu tính lại thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 BLTTDS dẫn đến vụ án bị kéo dài, không đảm bảo quyền lợi của đương sự trong vụ án.

- Nhiều vụ án dân sự tạm đình chỉ với lý do cần đợi kết quả giải quyết vụ án khác có liên quan, nhưng không nêu rõ vụ án khác có liên quan đó là vụ án nào; vụ án chưa có văn bản về việc tiếp tục giải quyết vụ án nhưng Thẩm phán vẫn tiếp tục có một số hoạt động tố tụng giải quyết vụ án...

- Một số vụ án dân sự Tòa án tạm đình chỉ với lý do đương sự xin tạm đình chỉ vì bận việc gia đình, đi chữa bệnh,... Tòa án căn cứ điểm h khoản 1 Điều

214 “các trường hợp khác pháp luật có quy định”. Tuy nhiên, lý do tạm đình chỉ này là không đúng pháp luật, vì khoản 1 Điều 214 tuy chưa có hướng dẫn nhưng theo tinh thần của của khoản 6 Điều 22 Nghị quyết 05/2012/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì: “Các trường hợp khác mà pháp luật có quy định” quy định tại khoản 6 Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự là các trường hợp làm căn cứ cho Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự mà trong Bộ luật tố tụng dân sự này chưa quy định nhưng đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác hoặc sau khi Bộ luật tố tụng dân sự này có hiệu lực thi hành mới được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành sau đó hoặc trong các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”.

#### **- Sai sót trong việc đình chỉ giải quyết vụ án**

- Nhiều trường hợp các vụ án đình chỉ với lý do Nguyên đơn rút đơn khởi kiện; Tuy nhiên, hầu hết các quyết định đình chỉ, trong hồ sơ vụ án thể hiện không có ý kiến của Bị đơn hoặc Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với việc rút đơn khởi kiện của Nguyên đơn mà chỉ ghi chung chung Bị đơn không có đơn phản tố, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Một số vụ, việc chỉ ghi Nguyên đơn rút đơn khởi kiện và Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu phản tố, không có yêu cầu độc lập nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn hoặc Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, hồ sơ không có lời khai nào. Có vụ Bị đơn có đơn phản tố nhưng trong Quyết định đình chỉ vẫn ghi Bị đơn không có đơn phản tố.

- Có quyết định đình chỉ vụ án còn có sai sót, nguyên đơn có đơn xin rút đơn khởi kiện nhưng Tòa án không có văn bản xác nhận việc rút đơn của đương sự ngày nào để làm căn cứ ra quyết định đình chỉ.

- Một số vụ, việc trong quyết định đình chỉ không có nội dung trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu (bản chính) kèm theo đơn khởi kiện cho đương sự là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 217 BLTTDS, nhất là đối với các vụ án hôn nhân và gia đình (không trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn), vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản (không tuyên trả bản chính hợp đồng, giấy biên nhận tiền...).

- Một số quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án không tuyên về quyền khởi kiện lại của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 218, khoản 3 Điều 192 và điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Một số Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự tuyên sai về thời hạn kháng cáo.

#### **- Sai sót trong việc tính án phí:**

+ Một số trường hợp, Tòa án tính án phí đối với người lao động khởi kiện đòi tiền lương, giải quyết những vấn đề bồi thường thiệt hại... vì bị sa thải, chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là không đúng.

+ Nhiều trường hợp áp dụng văn bản để làm căn cứ tính án phí không đúng (có trường hợp phải áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 lại áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH 12 và ngược lại).

+ Việc tính án phí trong các vụ án thuận tình ly hôn, giữa các Thẩm phán của Tòa án còn chưa thống nhất, có Thẩm phán thì quyết định mỗi bên chịu 50% mức án phí là 150.000 đồng; có Thẩm phán lại quyết định mỗi bên chịu 75.000 đồng (50% của 150.000 đồng). Đây cũng là thực trạng chung của nhiều Tòa án do cách hiểu và áp dụng quy định của khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTV Quốc hội không giống nhau. Tuy nhiên, TANDTC đã có Công văn số 72/TANDTC-PC ngày 11/4/2017 hướng dẫn về việc áp dụng thống nhất quy định về án phí trong vụ án ly hôn, trường hợp trước khi mở phiên tòa hai bên thuận tình ly hôn, mỗi bên phải chịu 25% mức án phí. Do đó, trong thời gian TANDTC chưa có hướng dẫn mới thì đề nghị các Tòa án địa phương áp dụng đúng theo hướng dẫn tại Công văn số 72/TANDTC-PC nêu trên.

**- Một số sai sót trong việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

+ Trong quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự có nội dung không phù hợp với nội dung Biên bản hòa giải, Biên bản hòa giải thành, ví dụ: tại Biên bản hòa giải, Biên bản hòa giải thành các đương sự không thỏa thuận với nhau về lãi chậm thi hành án nhưng trong quyết định vẫn ghi về lãi đối với số tiền chậm thi hành án là không đúng, vi phạm sự thỏa thuận của các đương sự.

+ Có trường hợp Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải là một Thẩm phán, ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là Thẩm phán khác nhưng trong hồ sơ vụ án không có tài liệu thể hiện có Quyết định của Chánh án phân công Thẩm phán ra quyết định thay cho Thẩm phán chủ trì hòa giải thành.

+ Tòa án ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự trước thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành là không đúng.

**- Sai sót về tố tụng khác:**

+ Thủ tục niêm yết công khai bị thiếu biên bản niêm yết văn bản tố tụng tại trụ sở Tòa án (theo quy định thì phải niêm yết tại 03 nơi: Nơi cư trú, Trụ sở Tòa án, trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú).

+ Có một số trường hợp thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng chưa đúng pháp luật như: không tổng đạt hợp lệ, giao thông báo thụ lý muộn cho các đương sự.

+ Có trường hợp Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa trong thời hạn 60 ngày theo đề nghị của Bị đơn để các bên thỏa thuận giải quyết, là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Có trường hợp Tòa án thụ lý vụ án yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản mà nguyên đơn không phải là người mua được tài sản bán đấu giá hay Chấp hành viên, là không đúng quy định tại Khoản 2 Điều 102 Luật thi hành án dân sự

năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) (*Chỉ người mua được tài sản bán đấu giá và Chấp hành viên mới có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản*).

\* *Đối với trường hợp này*, Văn bản số 4467/BTP-TCTHADS ngày 21/11/2018 của Bộ Tư pháp gửi Tòa án nhân dân tối cao về việc phối hợp trong công tác thi hành án dân sự cũng có nội dung kiến nghị Tòa án nhân dân các cấp xem xét không thụ lý giải quyết vụ việc đối với những tranh chấp kết quả bán đấu giá mà người khởi kiện không phải là người mua được tài sản bán đấu giá và Chấp hành viên theo quy định tại Điều 102 Luật Thi hành án dân sự.

+ Có Tòa án thụ lý giải quyết vụ án không đúng thẩm quyền: Ví dụ: Đương sự khởi kiện vụ án dân sự có liên quan đến việc yêu cầu hủy Quyết định cá biệt là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Tòa án cấp huyện vẫn thụ lý giải quyết. Đây là trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh. Có một số trường hợp đã chuyển hồ sơ về Tòa án cấp tỉnh để giải quyết nhưng Tòa án cấp tỉnh lại trả hồ sơ về cho Tòa án cấp huyện vì cho rằng “chưa có căn cứ rõ ràng phải hủy Quyết định cá biệt hay không” là không đúng<sup>22</sup>.

+ Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành tách thửa đất đang tranh chấp, Tòa án có văn bản yêu cầu Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tách thửa theo yêu cầu của nguyên đơn là vượt quá phạm vi thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

+ Có trường hợp vụ án hôn nhân gia đình, tổng đạt trực tiếp cho người nhà đương sự (mẹ của bị đơn) nhưng không yêu cầu người nhận cam kết giao cho đương sự là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 BLTTDS 2015.

+ Một số trường hợp nhập vụ án chưa đúng với quy định tại khoản 1 Điều 42 và sai thẩm quyền quy định tại Điều 47 và Điều 48 BLTTDS năm 2015.

#### **- Sai sót về phần tuyên án:**

+ Không tuyên về phần nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của BLDS; Tuyên chưa rõ, không đúng phần lãi chậm trả.

+ Nhiều Bản án, Quyết định không ghi quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự.

+ Có bản án phần “*Nhận định của Tòa án*” có nhận định về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhưng phần “*Quyết định*” không tuyên là thiếu sót.

+ Có bản án không tuyên kiến nghị Ủy ban nhân dân điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong khi bản án công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Có một số bản án liên quan đến tranh chấp quyền sử dụng đất, Tòa án buộc giao đất cho đương sự có yêu cầu nhưng quyết định chưa rõ ràng, cụ thể về

<sup>22</sup> Báo cáo của Đoàn kiểm tra tại tỉnh Bình Phước

số thửa đất, số tờ bản đồ, ranh, tứ cận thửa đất cũng như không nói rõ phần đất được giao là theo biên bản, sơ đồ nào.

- Có một số vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Tòa án nhận định việc vay mượn là thực tế, hợp đồng vay mượn là có giá trị pháp lý nhưng khi quyết định Tòa án lại không công nhận hiệu lực của hợp đồng này mà vẫn buộc bị đơn trả tiền cho nguyên đơn theo hợp đồng vay mượn tài sản là có thiếu sót<sup>23</sup>.

- Vẫn còn tình trạng bản án tuyên không rõ, khó thi hành.

\* Về vấn đề này, tại Văn bản số 09/KH-VKSNDTC ngày 30/11/2018 VKSNDTC kiến nghị về xử lý bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành cũng đã nêu:

- Trường hợp bán đấu giá thành công, người trúng đấu giá đã nộp đủ tiền, cơ quan thi hành án đã thanh toán tiền cho những người được thi hành án, đã giao tài sản cho người trúng đấu giá. Tuy nhiên Tòa án đã giải quyết, hợp đồng bán đấu giá tài sản bị hủy hoặc vô hiệu, Tòa án buộc cơ quan thi hành án dân sự có nghĩa vụ phải trả lại tiền mua tài sản cho người trúng đấu giá nhưng lại không tuyên trách nhiệm hoàn trả số tiền đã nhận từ hợp đồng bán đấu giá nêu trên của người được thi hành án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều này gây khó khăn cho cơ quan thi hành án dân sự trong việc thu hồi tiền để hoàn trả ngân sách Nhà nước.

- VKSNDTC cũng cho rằng trong thời gian qua, nhiều vụ việc thi hành án dân sự còn tồn đọng, kéo dài có nguyên nhân là do bản án, quyết định của Tòa án nhân dân các cấp tuyên không rõ, khó thi hành. Nhiều trường hợp Cơ quan thi hành án dân sự đã có văn bản đề nghị Tòa án đình chính, giải thích bản án, quyết định<sup>24</sup> nhưng Tòa án chậm giải thích hoặc giải thích không rõ ràng, chưa đáp ứng được yêu cầu; nhiều trường hợp Cơ quan Thi hành án dân sự các cấp đã có văn bản kiến nghị xem xét lại bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm<sup>25</sup> nhưng TAND các cấp chậm giải quyết, trả lời kiến nghị<sup>26</sup>.

#### ***b) Trong công tác giải quyết, xét xử theo thủ tục phúc thẩm***

<sup>23</sup> Báo cáo của Đoàn Kiểm tra tại tỉnh Sơn La

<sup>24</sup> 265 văn bản đề nghị đình chính, giải thích.

<sup>25</sup> 112 văn bản kiến nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Trong đó, có 33 bản án, quyết định thuộc thẩm quyền xem xét của TANDCC tại Hà Nội; 18 bản án, quyết định thuộc thẩm quyền xem xét của TANDCC tại Đà Nẵng; 61 bản án, quyết định thuộc thẩm quyền xem xét của TANDCC tại thành phố Hồ Chí Minh.

<sup>26</sup> TANDCC tại Hà Nội có 23 trường hợp quá hạn, 02 trường hợp chưa trả lời; 07 trường hợp đã trả lời nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu và 01 trường hợp trả lời đáp ứng được yêu cầu.

- TANDCC tại Đà Nẵng có 08 trường hợp quá hạn, 03 trường hợp chưa trả lời, 04 trường hợp đã trả lời nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu và 03 trường hợp trả lời đáp ứng được yêu cầu.

- TANDCC tại tp. Hồ Chí Minh có 32 trường hợp quá hạn, 16 trường hợp chưa trả lời, 09 trường hợp đã trả lời nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu và 04 trường hợp trả lời đáp ứng được yêu cầu.

- Một số bản án hủy, sửa án sơ thẩm nhưng căn cứ không rõ ràng hoặc không có sức thuyết phục:

+ Bản án phúc thẩm giải quyết yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định mức cấp dưỡng là 1,5 triệu đồng/tháng. Tòa án cấp phúc thẩm giảm xuống thành 1,2 triệu đồng/tháng với lý do người phải cấp dưỡng bị giảm thị lực mắt.

+ Bản án phúc thẩm về vụ án chia tài sản khi ly hôn: không có căn cứ xác định 02 người con có đóng góp vào sự phát triển tài sản của cha mẹ nhưng khi cha mẹ ly hôn, Tòa án vẫn xác định chia cho một người con 5% tài sản của cha mẹ (vì ở chung 03 năm), một người 10% tài sản của cha mẹ (vì ở chung 8 năm) chỉ với nhận định việc chia trên là “phù hợp”. Căn cứ sửa án như trên là không rõ ràng.

+ Một số quyết định hủy Bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án không quyết định hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 299 BLTTDS 2015: HĐXX ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án thì phải tuyên nguyên đơn có quyền khởi kiện lại vụ án theo thủ tục do BLTTDS 2015 quy định.

+ Vụ án “Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”: Tòa án xác định mức độ lỗi của các bên đương sự khi không làm rõ nguyên nhân của việc không thực hiện hợp đồng của các đương sự.

+ Trong vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, Tòa án cấp phúc thẩm nhận định cần áp dụng theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ” trong khi đất tranh chấp là đất ở, còn Nghị định này chỉ áp dụng cho đối tượng đất nông nghiệp là định hướng không chính xác cho Tòa án cấp dưới.

- Sai sót về tính án phí như: Có trường hợp Tòa án không chấp nhận kháng cáo của bị đơn nhưng không buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Có vụ án Tòa án chỉ xem xét diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ai nhưng buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự như trường hợp vụ án có giá ngạch là không đúng. Hoặc áp dụng văn bản để tính án phí không đúng<sup>27</sup>.

- Một số vụ án chia thừa kế xác định di sản thừa kế trong khối tài sản chung của vợ chồng không đúng quy định của pháp luật, chia di sản thừa kế không đảm bảo quyền lợi của các đương sự; xác định thời điểm mở thừa kế không đúng quy định tại khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và Điều 10 Nghị quyết 02/1990 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

- Một số vụ án tranh chấp về quyền sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất, đương sự có công sức quản lý, giữ gìn nhưng khi giải quyết không xem xét, không đảm bảo quyền lợi cho đương sự, không áp dụng đúng tinh thần Án lệ số 02/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

<sup>27</sup> Báo cáo của Đoàn Kiểm tra tại tỉnh Lâm Đồng



### **3. Trong công tác giải quyết, xét xử các vụ án hành chính**

#### **a) Trong công tác giải quyết, xét xử theo thủ tục sơ thẩm**

- Có trường hợp xác định đối tượng khởi kiện không đúng:

+ Xác định Quyết định của Chi Cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện về việc buộc cá nhân hoàn trả cho ngân sách Nhà nước là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính là không đúng. Vì căn cứ Điều 30 LTTHC 2015 thì Quyết định này không phải là đối tượng khởi kiện bằng vụ án hành chính.

Đối với các quyết định về thi hành án hoặc liên quan đến việc thi hành án của Cơ quan thi hành án, người đứng đầu các Cơ quan thi hành án và của các Chấp hành viên tại các cơ quan thi hành án đều không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Cơ quan Thi hành án không phải là cơ quan hành chính nhà nước; các cơ quan thi hành án và người có thẩm quyền trong cơ quan thi hành án được điều chỉnh và xử lý theo Luật Thi hành án hoặc khi phát sinh tranh chấp (cá nhân với cơ quan hay người đứng đầu cơ quan THA) sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự.

+ Một số vụ án hành chính đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân hoặc yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nhưng yêu cầu của người khởi kiện có liên quan đến việc giải quyết ranh đất với người thứ ba, tranh chấp đất có nguồn gốc thừa kế từ cha mẹ, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất... Bản chất của vụ án ở đây là tranh chấp dân sự, trong đó có giải quyết yêu cầu hủy quyết định hành chính cá biệt theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án không giải thích cho đương sự mà thụ lý giải quyết bằng vụ án hành chính là xác định sai thẩm quyền. Trong khi thụ lý vụ án theo thủ tục tố tụng hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm lại đồng thời giải quyết tranh chấp đất đai là giải quyết vượt quá thẩm quyền.

Trong trường hợp đương sự khởi kiện song song vụ án hành chính và dân sự thì Tòa án cấp sơ thẩm lại tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự chờ giải quyết vụ án hành chính là không đúng, mà trong trường hợp này phải tạm đình chỉ vụ án hành chính chờ kết quả giải quyết vụ án dân sự mới đúng.

Trong trường hợp xét thấy việc giải quyết tranh chấp đất đai và giải quyết yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ liên quan đến nhau và có thể giải quyết trong cùng một vụ án thì TAND cấp tỉnh căn cứ vào khoản 1 Điều 34 của Luật TTHC và Điều 34 của BLTTDS để giải quyết đồng thời hai yêu cầu của đương sự trong cùng một vụ án theo thủ tục do pháp luật tố tụng dân sự quy định (*Mục 3 Giải đáp số 02/GĐ-TANDTC ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về một số vấn đề về tố tụng hành chính*).

- Một số đơn vị vẫn còn tình trạng án để quá thời hạn chuẩn bị xét xử<sup>28</sup>; án bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán.

- Về lý do tạm đình chỉ phần lớn để chờ ý kiến bằng văn bản, kết quả cung cấp chứng cứ, tài liệu của cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, một số vụ án khi có Công văn yêu cầu cơ quan tổ chức có ý kiến, cung cấp tài liệu, chứng cứ có ấn định thời hạn (15 ngày hoặc 30 ngày), nhưng chưa hết thời hạn như ấn định đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử (để tránh bị hết thời hạn chuẩn bị xét xử tại Điều 130 Luật tố tụng hành chính) dẫn đến phải tạm ngừng phiên tòa để chờ kết quả trả lời của cơ quan có thẩm quyền; Sau đó hết thời hạn tạm ngừng phiên tòa tiếp tục ra quyết định tạm đình chỉ. Hoặc có trường hợp hết thời hạn được ấn định nhưng không nhận được văn bản có ý kiến của cơ quan, tổ chức thì không có văn bản nhắc nhở, dẫn đến kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Có tình trạng vụ án được thụ lý sau 02 tháng, nhưng Thẩm phán chưa tiến hành các hoạt động xây dựng hồ sơ vụ án.

- Một số vụ án tạm đình chỉ không có căn cứ như: TA yêu cầu UBND thành phố trả lời về mục đích sử dụng đất thu hồi, trong đó yêu cầu trả lời trên đất thu hồi có 04 biệt thự, 04 kiềng nhà có được coi là công trình hệ thống hạ tầng kỹ thuật không để từ đó ra QĐ tạm đình chỉ vụ án là không cần thiết. Trong trường hợp này, TA phải căn cứ vào các quy định của pháp luật hiện hành về đất đai, xây dựng để xác định thế nào là công trình hệ thống hạ tầng kỹ thuật, từ đó đánh giá việc thu hồi đất có đúng mục đích không.

- Một số vụ án tạm đình chỉ nhưng không kiểm tra, đôn đốc, để kéo dài việc giải quyết vụ án, thậm chí có vụ án kéo dài trên 10 năm chưa được giải quyết; trường hợp lý do tạm đình chỉ không thể ủy thác thu thập chứng cứ thì cần căn cứ khoản 3, 4 Điều 92 Luật TTHC tiếp tục giải quyết trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Nhiều trường hợp hồ sơ vụ án không có hoặc có nhưng không đầy đủ các biên bản tổng đạt các quyết định, thông báo của Tòa án (quyết định thụ lý, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên đối thoại...).

**- Sai sót về cách tuyên án hành chính:**

+ Một số quyết định tuyên chưa rõ ràng về căn cứ đình chỉ và hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án. Có trường hợp khi quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, Tòa án không quyết định về án phí.

+ Có vụ án hành chính người khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND cấp GCNQSDĐ là yêu cầu thực hiện hành vi hành chính, nhưng quyết định của bản án tuyên buộc UBND chấm dứt hành vi hành chính về việc không cấp

---

<sup>28</sup> Tính đến thời điểm kiểm tra, TAND tỉnh An Giang đang giải quyết 49 vụ thì có 17 vụ quá hạn.

GCNQSDĐ cho đương sự là không đúng; trong trường hợp này phải tuyên: buộc UBND thực hiện việc cấp GCNQSDĐ cho đương sự.

***b) Trong công tác giải quyết, xét xử theo thủ tục phúc thẩm***

- Có bản án Thẩm phán viện dẫn pháp luật không cụ thể, rõ ràng.
- Một số vụ án Tòa án nhân dân cấp cao ra quyết định tạm đình chỉ với lý do cần đợi kết quả thực hiện ủy thác thu thập chứng cứ, tuy nhiên thời gian tạm đình chỉ đã kéo dài nhưng chưa nhận được kết quả trả lời. Trong trường hợp này Tòa án cần giải quyết vụ án trên cơ sở chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 5 Điều 92 Luật tổ tụng hành chính.
- Sau khi có Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án, một số Thẩm phán còn chưa tích cực đôn đốc các Tòa án nhận được quyết định ủy thác thực hiện việc thu thập tài liệu chứng cứ theo yêu cầu.
- Có một số vụ án Tòa án cấp phúc thẩm quyết định tạm ngừng phiên tòa. Tuy nhiên, thời hạn mở lại phiên tòa quá thời hạn 30 ngày theo quy định tại Điều 187 Luật TTHC 2015. Có vụ án, Hội đồng xét xử đã 06 lần quyết định tạm ngừng phiên tòa, tuy nhiên, trong những lần tạm ngừng phiên tòa của Hội đồng xét xử không được lập biên bản phiên tòa.
- Một số bản án hành chính phúc thẩm áp dụng Điều 241 Luật TTHC quy định về thẩm quyền của HĐXX phúc thẩm để ra quyết định hủy bản án hành chính sơ thẩm chưa phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án.
- Còn tình trạng bản án có sai sót dẫn đến phải đính chính còn khá phổ biến. Cá biệt, có trường hợp sau khi ban hành bản án, đương sự khiếu nại chỉ ra nhiều sai sót phải đính chính thì Thẩm phán chủ tọa mới đính chính.
- Về công tác giải quyết khiếu nại đối với việc trả lại đơn khởi kiện: có trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm trả lại đơn khởi kiện không đúng (người khởi kiện đúng đối tượng khởi kiện, còn thời hiệu khởi kiện), có TAND cấp cao giải quyết bác khiếu nại của người bị kiện là không đúng pháp luật; có trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm trả lại đơn khởi kiện là đúng pháp luật nhưng có TAND cấp cao giải quyết khiếu nại buộc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lại là không đúng.

**II. Trong công tác thi hành án hình sự**

***1. Qua công tác kiểm tra của Tòa án nhân dân tối cao:***

- Hồ sơ hoãn và tạm đình chỉ thi hành án đối với các trường hợp bệnh nặng không có kết luận của Bệnh viện cấp tỉnh trở lên về việc người bị xử phạt tù bị bệnh nặng và nếu bắt họ đi chấp hành hình phạt tù sẽ nguy hiểm đến tính mạng họ hoặc kết luận của Hội đồng giám định y khoa, đối với trường hợp tạm đình chỉ thi hành án<sup>29</sup>. Cá biệt, có một trường hợp cho hoãn chấp hành hình phạt tù với lý do người bị kết án bị sốt cao không rõ nguyên nhân là chưa bảo đảm

<sup>29</sup> TAND tỉnh Lạng Sơn, TAND thành phố Lạng Sơn, TAND huyện Cao Lộc.

đúng quy định của pháp luật về hoãn chấp hành hình phạt tù<sup>30</sup>.

- Cho hoãn chấp hành án phạt tù vì lý do "đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi" nhưng trong hồ sơ hoãn thi hành án không có xác nhận của chính quyền địa phương về việc người bị kết án đang trực tiếp nuôi con. Hoặc chính quyền địa phương chỉ xác nhận bị cáo có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi như trong đơn là đúng sự thật. Việc xác nhận như trên là không đảm bảo, chưa rõ có đúng bị cáo đang trực tiếp nuôi con hay không<sup>31</sup>.

- Đối với các trường hợp hoãn chấp hành án vì lý do là lao động duy nhất thì theo hướng dẫn tại điểm c mục 7.1 Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, ngoài những quy định chung thì những trường hợp được hoãn với lý do là lao động duy nhất phải là người duy nhất trong gia đình đang lao động có thu nhập, nếu bắt họ đi chấp hành hình phạt tù thì gia đình sẽ gặp khó khăn đặc biệt, nhưng có một số trường hợp các tài liệu trong hồ sơ xét hoãn cho bị án không thể hiện rõ những điều kiện này.

- Một số Quyết định tạm đình chỉ thi hành án căn cứ vào biên bản họp xét đề nghị của Trại giam là chưa đủ căn cứ. Trường hợp này cần có công văn của Trại giam về việc đề nghị tạm đình chỉ thi hành án; Một số Hồ sơ không đánh số bút lục; Quyết định tạm đình chỉ không đóng dấu; Không có biên bản tổng đạt nào cho bị án. Một số hồ sơ hoãn thi hành án thiếu Biên bản xác minh tại địa phương; lý do hoãn không có trong quyết định hoãn; không có hồ sơ bệnh án cần rút kinh nghiệm<sup>32</sup>.

## **2. Qua phản ánh, kiến nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Tư pháp của Quốc hội**

Theo trích dẫn và đánh giá tại Báo cáo của Nhóm nghiên cứu của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội thì VKSNDTC qua công tác kiểm sát về công tác thi hành án hình sự năm 2018 đã phát hiện nhiều quyết định thi hành án hình sự có vi phạm (888 quyết định); 41 quyết định hoãn chấp hành án hình sự vi phạm; đồng thời Viện kiểm sát nhân dân các cấp đã ban hành 263 kiến nghị, kháng nghị đối với Tòa án đề nghị khắc phục vi phạm<sup>33</sup>.

Cũng theo Báo cáo nêu trên, qua công tác giám sát, khảo sát về thi hành án hình sự của Ủy ban Tư pháp cho thấy, việc ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù vẫn còn có sai phạm như: có trường hợp được TAND cho tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù sau đó bị án bị truy nã (Báo cáo số 503/BC-CATP ngày 09/8/2018 của Công an thành phố Cà Mau); bị án Lê Văn Hồng ở Nghệ An đang chấp hành án phạt tù 13 năm về tội "Giết người" được TAND tỉnh Nghệ An cho tạm đình chỉ chấp hành án với lý do "đang mắc bệnh hiểm nghèo

<sup>30</sup> Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

<sup>31</sup> Báo cáo của Đoàn Kiểm tra tại TAND hai cấp tỉnh Lạng Sơn.

<sup>32</sup> Báo cáo của Đoàn Kiểm tra tại tỉnh Vĩnh Long

<sup>33</sup> Báo cáo ngày 03/9/2018 của Nhóm nghiên cứu của Ủy ban Tư pháp Quốc hội về Một số ý kiến về Báo cáo của Chánh án TANDTC về công tác của ngành Tòa án tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV.

suy thận giai đoạn cuối chạy thận nhân tạo chu kỳ". Tuy nhiên, trong thời gian được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, Lê Văn Hồng vẫn đi làm thợ xây dựng, gây bức xúc trong dư luận.

### **III. Trong công tác xem xét quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân**

- Một số trường hợp ra thông báo thụ lý, ra Quyết định mở phiên họp không đúng thời hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Pháp lệnh áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án; gửi thông báo thụ lý, quyết định mở phiên họp cho Viện kiểm sát không đúng thời hạn; không đánh số bút lục trong hồ sơ lưu trữ; có quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc Tòa án không gửi quyết định cho Trưởng Công an huyện nơi người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính cư trú theo quy định.

- Có một số hồ sơ thiếu bảng thống kê bút lục. Một số hồ sơ biên bản tổng đạt quyết định thiếu xác nhận của địa phương, một số văn bản tố tụng có chữ ký của Thẩm phán nhưng chưa đóng dấu. Nghiêm trọng hơn, có trường hợp Biên bản họp và quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính lưu hồ sơ Thẩm phán chưa ký nhưng hồ sơ thể hiện đã tổng đạt quyết định cho người phải thi hành.

- Có hồ sơ biên bản họp xét ghi áp dụng xử lý là 12 tháng nhưng quyết định xử lý hành chính lại ghi áp dụng 18 tháng.

### **IV. Trong công tác giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm của các Tòa án nhân dân cấp cao**

- Một số vụ án thụ lý không đúng về thời hạn xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm (Đã quá 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đương sự mới có đơn đề nghị giám đốc thẩm nhưng Tòa án vẫn thụ lý).

- Tỷ lệ giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm thấp, không đạt chỉ tiêu công tác<sup>34</sup>.

- Việc lập luận trong một số Thông báo trả lời đơn chưa có căn cứ vững chắc. Có đơn vị Tòa án nhân dân cấp cao, việc đường lối xử lý đối với các tội hủy hoại rừng; đánh bạc chưa thống nhất. Theo đó, các bị cáo hủy hoại rừng với diện tích ít hơn (hoặc đánh bạc) bị án tù giam, có đơn đề nghị giám đốc thẩm, Tòa án cấp cao có Thông báo trả lời đơn là không có căn cứ kháng nghị. Nhưng đối với các bị cáo hủy hoại rừng với diện tích nhiều hơn, vụ án đánh bạc có tính chất tương tự thì Tòa án cấp cao lại xử phúc thẩm cho hưởng án treo<sup>35</sup>.

- Chất lượng kháng nghị chưa cao, vẫn còn một số vụ án Chánh án kháng nghị nhưng sau đó rút kháng nghị<sup>36</sup>.

<sup>34</sup> Tính đến thời điểm kiểm tra, tỷ lệ giải quyết đơn của các đơn vị là: TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh: 33,2%; TAND cấp cao tại Hà Nội: 59,28 % và TAND cấp cao tại Đà Nẵng: 46,89 %.

<sup>35</sup> TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh

<sup>36</sup> Tại TANDCC tại Đà Nẵng: hình sự rút 3 kháng nghị; dân sự rút 2 kháng nghị; kinh doanh thương mại rút 01 kháng nghị.

- Công tác xét xử giám đốc thẩm còn có nhiều vụ vi phạm thời hạn xét xử giám đốc thẩm. Cá biệt, có trường hợp sau khi có Quyết định kháng nghị, sau 3 năm 6 tháng mới đưa ra xét xử giám đốc thẩm<sup>37</sup>.

- Chất lượng quyết định giám đốc thẩm một số vụ còn hạn chế. Cụ thể:

+ Có một số trường hợp Tòa án cấp cao nhận định chỉ xem xét nội dung kháng nghị, không xem xét toàn bộ nội dung vụ án, là không đúng (*phạm vi giám đốc thẩm là xem xét toàn bộ kháng nghị hoặc phần có liên quan đến nội dung kháng nghị*).

+ Một số trường hợp chỉ cần sửa án hoặc hủy một phần bản án phúc thẩm, giữ án sơ thẩm nhưng Tòa án cấp giám đốc thẩm lại hủy án là không cần thiết, kéo dài việc giải quyết vụ án. Ví dụ: Có trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc thế chấp là hợp pháp, Tòa án cấp phúc thẩm lại cho rằng việc thế chấp là vô hiệu. Khi giải quyết vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm, Tòa án nhân dân cấp cao cho rằng việc thế chấp là hợp pháp thì chỉ cần hủy bản án phúc thẩm về phần xử lý tài sản thế chấp và giữ nguyên bản án sơ thẩm, nhưng Hội đồng xét xử giám đốc thẩm lại hủy toàn bộ bản án phúc thẩm là không đúng. Hoặc trường hợp Hội đồng giám đốc thẩm nhận định mức án đối với bị cáo là nặng nên hủy án là không đúng. Trường hợp này cần căn cứ vào Điều 388, 393 Bộ luật tố tụng hình sự để sửa án, giảm hình phạt cho bị cáo.

+ Một số quyết định giám đốc thẩm trong phần nhận định không viện dẫn, phân tích điều luật cụ thể cần áp dụng mà chỉ viện dẫn văn bản luật là thiếu tính thuyết phục. Một số quyết định giám đốc thẩm nhận định nhưng không nêu được văn bản pháp luật cụ thể cần áp dụng làm cơ sở cho nhận định.

+ Một số quyết định giám đốc thẩm về án hành chính, khi hủy bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm giao về cho Tòa án có thẩm quyền xét xử lại nhưng không ghi xét xử lại theo thủ tục gì (sơ thẩm hay phúc thẩm). Bên cạnh đó, có một số quyết định giám đốc thẩm án hành chính không có nhận định gì về sai lầm của án sơ thẩm, án phúc thẩm đã được nêu trong quyết định kháng nghị là bỏ sót nội dung kháng nghị<sup>38</sup>.

- Việc giải quyết một số kiến nghị của Tòa án địa phương và kiến nghị liên quan đến việc xem xét miễn trách nhiệm hình sự vẫn bị kéo dài, ảnh hưởng đến hoạt động tố tụng tại địa phương<sup>39</sup>.

- Một số hồ sơ vụ án còn chậm chuyển cho TANDTC xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, một số trường hợp TANDTC đã có văn bản từ 2 đến 4 lần yêu cầu chuyển hồ sơ nhưng vẫn chậm chuyển<sup>40</sup>. Đáng chú ý là có trường hợp Kết luận của

<sup>37</sup> Báo cáo của Đoàn Kiểm tra tại TANDCC tại tp. Hồ Chí Minh.

<sup>38</sup> TANDCC tại thành phố Hồ Chí Minh.

<sup>39</sup> Như vụ án do TAND tỉnh Điện Biên kiến nghị.

<sup>40</sup> Báo cáo của Đoàn kiểm tra tại TANDCC tại Đà Nẵng, TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh. Trong đó, đến thời điểm kiểm tra, TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh còn 47 hồ sơ chưa chuyển theo yêu cầu của Tòa án nhân dân tối cao. Trong đó có 05 hồ sơ hình sự; 11 hồ sơ dân sự; 02 hồ sơ kinh doanh thương mại; 29 hồ sơ hành chính.

Đoàn kiểm tra năm 2017 cũng đã có kiến nghị chuyển hồ sơ để xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, nhưng đến thời điểm kiểm tra vẫn có trường hợp chưa chuyển<sup>41</sup>.

Thông qua việc kiểm tra, các Đoàn kiểm tra cũng đã nghiêm túc chỉ đạo việc rút kinh nghiệm, chấn chỉnh các Tòa án về công tác chuyên môn; đồng thời, đã đề nghị rút hồ sơ để nghiên cứu đối với nhiều hồ sơ vụ án để xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm<sup>42</sup>.

Trên đây là báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra công tác chuyên môn tại các Tòa án theo Kế hoạch số 390/KH-TANDTC và Kế hoạch số 391/KH-TANDTC của Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Tòa án nhân dân các cấp nghiêm túc rút kinh nghiệm để có giải pháp khắc phục các hạn chế, thiếu sót này trong năm 2019 và các năm công tác tiếp theo.

**Nơi nhận:**

- Đ/c Chánh án TANDTC (để b/c);
- Các đ/c Phó Chánh án TANDTC;
- Các đ/c Thẩm phán TANDTC;
- Tòa án quân sự TW, các TAND cấp cao, các TAND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VP.

**KT. CHÁNH ÁN  
PHÓ CHÁNH ÁN**



**Nguyễn Trí Tuệ**

<sup>41</sup> TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh còn 02 vụ án hình sự phúc thẩm chưa chuyển (Vụ Phùng Viết Linh bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”-Bản án hình sự số 304/2017/HSPT ngày 26/6/2017; Vụ Lê Văn Hùng bị kết án về tội “Buôn bán hàng giả”- Bản án hình sự số 612/2016/HSPT ngày 7/11/2016).

<sup>42</sup> Trong đó: Đoàn kiểm tra tại Bình Phước (01 vụ), Bà Rịa-Vũng Tàu (06 vụ), Đồng Tháp (10 vụ), Lâm Đồng (12 vụ), TANDCC tại Đà Nẵng (10 vụ), Ninh Bình (01 vụ), Bến Tre (01 vụ),.....

